

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 4- 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hải;
- Ông Vũ Văn Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 759/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HPT ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1972 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường số A, tổ C, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Quỳnh D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình Q Dương quen nhau là 03 năm thì vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường D1, thành phố V vào ngày 16/11/1994 và có tổ chức lễ cưới. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống cùng bố mẹ bà tại đường số A, tổ C, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà và ông D là hạnh phúc, hòa thuận từ 1994 - đến 2004; đến năm 2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng

không có con, từ năm 2005 đến nay vợ chồng ly thân, ông **D** bỏ về sống cùng bố mẹ ông **D** ở **5 C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** còn bà vẫn ở với bố mẹ bà tại **đường số A, tổ C, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**.

Trong thời gian ly thân, bà và ông **D** chưa một lần gặp mặt để hàn gắn gia đình.

Về con chung: Bà và ông **D** không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà có yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Đình Quỳnh D**.

Về con chung: Bà và ông **D** không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, ông **D** vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết, vì vậy tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

3.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà **L** và ông **D** là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Phan Thị Kim L** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Đình Quỳnh D**, ông **D** có nơi cư trú tại **thành phố V** nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn

Bị đơn ông **Nguyễn Đình Quỳnh D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim L và ông Nguyễn Đình Quỳnh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường D1, thành phố V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 vào ngày 16/11/1994 nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2005 - cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L trình bày là do vợ chồng không có con; từ khi ly thân vợ chồng có chưa một lần gặp mặt để hàn gắn gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án tổ chức hòa giải để các bên hòa giải tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không đạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L và ông D là trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân nhiều năm nay, vì vậy, khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông D không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông D không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L với ông Nguyễn Đình Quỳnh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Đình Quỳnh D;

2. Về con chung: Bà Phan Thị Kim L và ông Nguyễn Đình Quỳnh D không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0002075 ngày 07-11-2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố V. Bà L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND phường 4, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát